

Cách dùng, liều dùng

Ngày dùng từ 1 g đến 4 g, tối đa không quá 12 g, trường hợp đặc biệt tùy theo chỉ định của thầy thuốc. Loại Quy giáp châu thường mài với nước thuốc sắc để uống (xung phục). Các loại còn lại, thái lát mỏng cho vào thuốc đã sắc khi còn đang nóng rồi uống. Tán bột để làm thuốc hoàn tán.

Kiêng kỵ

Không phải hư hàn không được dùng.

QUY GIÁP VÀ QUY BẢN

Testudinis Carapax et Plastrum

Mai rùa và yếm rùa

Mai và yếm được làm khô của con Rùa (*Chinemys reevesii* Gray), họ Rùa (Emydidae). Thu bắt quanh năm, nhưng thường vào mùa thu và mùa đông. Sau khi bắt được rùa, giết, bóc lấy mai và yếm, loại bỏ thịt còn sót lại, phơi khô (gọi là huyết bản). Hoặc sau khi bắt được rùa, luộc qua rồi bóc lấy mai và yếm, cạo sạch thịt còn sót lại, phơi khô (thông bản).

Mô tả

Mai và yếm rùa liền nhau nhờ các cầu xương. Mai hơi dài hơn yếm.

Mai có hình bầu dục hẹp, khum khum, dài 7,5 cm đến 22 cm, rộng 6 cm đến 18 cm, phần phía trước hơi hẹp hơn phía sau, mặt ngoài màu nâu hoặc màu nâu đen, đầu phía trước có 1 khối sừng cổ, giữa sống lưng có 5 khối sừng đốt. Ở 2 bên mai có 4 khối sừng sườn, đối nhau, cạnh mỗi bên lại có 11 khối sừng rìa. Phần đuôi có 2 khối sừng móng (đòn giáp).

Yếm rùa có dạng phiến (tấm) gần như hình bầu dục, hình chùy viên, hình chữ nhật dài, rộng 5,5 cm đến 17 cm, dài 6,4 cm đến 21 cm, mặt ngoài yếm màu nâu vàng nhạt đến nâu có 12 tấm khối sừng, mỗi tấm có vân dạng tia xạ, màu nâu tía. Mặt trong màu trắng vàng đến màu trắng tro, có vết máu hoặc thịt còn sót lại. Sau khi cạo, làm sạch, có thể thấy ở phía trong có 9 khối xương dẹt (9 bản), mép nối các tấm có răng cưa khớp vào nhau. Phía đầu hình tròn tù hoặc bằng, phía đuôi có 1 khía hình tam giác, 2 cạnh đều, có dạng cánh, cong chếch lên ở 2 bên. Chất cứng, rắn, có mùi hơi tanh, vị hơi mặn.

Ghi chú: Huyết bản bóng láng, không bóc da, có khi còn vết máu. Thông bản màu thẫm hơn, có vết da bị lột, mặt trong màu trắng tro, hoặc màu vàng nhạt, không bóng.

Chế biến

Quy giáp và Quy bản: Lấy mai rùa và yếm rùa, đồ 45 min, lấy ra để trong nước nóng, cạo sạch ngay thịt da còn sót lại, rửa sạch, phơi khô.

Quy giáp và Quy bản chế giấm: Cho cát sạch vào nồi, sao to lửa cho khô, cho Quy giáp và Quy bản vào, sao đến khi mặt ngoài hơi vàng, lấy ra, loại bỏ cát, ngâm qua giấm,

phơi khô. Khi dùng giã vụn (10 kg Quy giáp và Quy bản dùng 2 L giấm).

Bảo quản

Để nơi khô, tránh mốc.

Tính vị, quy kinh

Vị mặn, ngọt, tính hơi hàn. Vào các kinh can, thận, tâm.

Công năng, chủ trị

Tư âm tiềm dương, ích thận cường cốt, dưỡng huyết bổ tâm. Chủ trị: Âm hư trào nhiệt, cốt chưng, đạo hãn (mồ hôi trộm), chóng mặt, hoa mắt, hư phong nội động, thất lưng chân teo yếu, trẻ chậm liền thóp, nữ băng lậu đới hạ.

Cách dùng, liều lượng

Ngày dùng từ 9 g đến 24 g, sắc trước các vị thuốc khác. Thường dùng phối hợp với các vị thuốc khác.

Kiêng kỵ

Người bệnh hư nhược mà không có hỏa, người hư hàn, ỉa lỏng không được dùng.

Phụ nữ có thai dùng phải thận trọng.

RAU ĐẮNG ĐẤT

Glini oppositifolii Herba

Toàn cây được làm khô của cây Rau đắng đất [*Glinus oppositifolius* (L.) A. DC.], họ Rau đắng đất (Molluginaceae). Thu hái vào tháng 3 đến tháng 4, rửa sạch, phơi khô hoặc sấy ở 50 °C đến 60 °C đến khô.

Mô tả

Phần trên mặt đất có dạng dây leo, thường cuộn với nhau thành bó, màu vàng rom, hoặc vàng lục, đôi khi có màu đỏ nâu. Gốc thân mang rễ dạng cọc, rễ dài, mang nhiều rễ con, đôi khi phân nhánh. Thân và cành rất mảnh, dài khoảng 20 cm đến 200 cm, nhẵn, đường kính khoảng 0,2 mm đến 4 mm. Thân già thường rỗng ở giữa. Lá mọc vòng, to nhỏ không đều, hình mác thuôn, mép nguyên, dài 1 cm đến 1,5 cm, rộng 3 mm đến 10 mm. Cụm hoa chùm ở ngọn, lá bắc ở gốc hoa, hoa mọc tùm 2 đến 5 ở kẽ lá, cuống hoa dài 1 cm đến 1,5 cm, nhị 5, nhụy 3 ô. Vị đắng, hơi ngọt.

Vị phẫu

Lá

Phần gân lá: Mặt trên lõm, mặt dưới lồi. Biểu bì trên và dưới gồm một lớp tế bào hình chữ nhật, to, xếp đều đặn, mang lông che chở. Mô mềm gồm các tế bào thành mỏng, tròn hoặc đa giác không đều, các góc có khoảng gian bào nhỏ. Bó libe-gỗ nằm giữa gân lá, libe phía ngoài, gỗ ở phía trong. Libe gồm những tế bào nhỏ, xếp thành từng bó hình nón.

Phần phiến lá: Biểu bì trên và dưới gồm một lớp tế bào hình chữ nhật, xếp đều đặn, màng ngoài hóa cutin. Mô giậu cấu tạo bởi 2 đến 3 hàng tế bào hình chữ nhật xếp vuông góc với lớp biểu bì, chiếm một nửa bề dày phiến lá. Mô khuyết nằm ở phần thịt lá, cấu tạo bởi những tế bào